

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thanh Cảnh	Chủ tịch
Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Ủy viên
Ông Huỳnh Minh Triết	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2014)
Bà Nguyễn Phước Giáng Hương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2014)
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên
Bà Lê Thanh Thủy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Giám đốc
Ông Vũ Anh Đức	Phó Giám đốc
Ông Dương Hiến Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Đặng Trường Sơn	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Bách	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Số: *006* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		180.523.234.196	203.417.083.720
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.666.460.847	78.110.695.149
1. Tiền	111	5	9.666.460.847	78.110.695.149
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	55.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.006.311.889	44.266.715.100
1. Phải thu khách hàng	131		24.234.822.606	41.347.196.331
2. Trả trước cho người bán	132		1.559.084.170	1.263.834.272
3. Các khoản phải thu khác	135	7	26.893.612.230	3.051.408.408
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.681.207.117)	(1.395.723.911)
IV. Hàng tồn kho	140		65.032.013.778	58.306.858.760
1. Hàng tồn kho	141	8	65.032.013.778	58.306.858.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.818.447.682	2.732.814.711
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		566.437.348	821.484.885
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		356.311.899	1.100.691.222
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	895.698.435	810.638.604
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		46.121.152.612	50.531.385.277
I. Tài sản cố định	220		13.813.661.021	12.531.705.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.746.596.186	10.837.658.485
- Nguyên giá	222		54.306.194.852	51.153.826.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.559.598.666)	(40.316.167.601)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.567.064.835	1.694.047.455
- Nguyên giá	228		3.201.978.600	3.201.978.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.634.913.765)	(1.507.931.145)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		500.000.000	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		32.307.491.591	37.999.679.337
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	32.251.491.591	37.978.679.337
2. Tài sản dài hạn khác	268		56.000.000	21.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		226.644.386.808	253.948.468.997

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		128.834.276.063	156.288.769.704
I. Nợ ngắn hạn	310		128.834.276.063	156.288.769.704
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	25.000.000.000	20.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		68.287.155.083	109.563.141.253
3. Người mua trả tiền trước	313		381.896.263	4.066.529.704
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.131.033.263	2.134.187.624
5. Phải trả người lao động	315		2.562.198.068	2.268.026.888
6. Chi phí phải trả	316	15	3.780.712.296	2.732.289.089
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	16	26.691.281.090	15.524.595.146
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		97.810.110.745	97.659.699.293
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	97.810.110.745	97.659.699.293
1. Vốn cổ phần	411		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.799.053.092	1.799.053.092
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.604.331.872	2.264.994.097
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.392.760.492	1.279.647.900
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.013.965.289	3.316.004.204
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		226.644.386.808	253.948.468.997
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ				
Dầu nhờn (lít)			-	44.308
2. Ngoại tệ các loại				
USD			2.023,89	226,46


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởngHuỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	529.193.011.757	512.421.458.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	20.760.461.655	21.634.241.999
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	508.432.550.102	490.787.216.144
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	450.986.985.634	440.374.824.082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		57.445.564.468	50.412.392.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.725.340.989	2.667.342.470
7. Chi phí tài chính	22	23	2.134.230.285	317.204.790
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.742.759.445	186.500.828
8. Chi phí bán hàng	24		30.401.941.487	28.583.095.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.041.477.251	21.584.875.419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		3.593.256.434	2.594.558.936
11. Thu nhập khác	31		647.918.465	6.176.751.927
12. Chi phí khác	32		906.353.078	5.445.969.802
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(258.434.613)	730.782.125
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.334.821.821	3.325.341.061
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	737.367.801	848.497.028
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.597.454.020	2.476.844.033
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	292	278


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởngHuỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.334.821.821	3.325.341.061
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.370.413.685	1.848.488.450
Các khoản dự phòng	03	2.285.483.206	720.942.438
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	116.334.474
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.705.338.299)	(2.876.360.767)
Chi phí lãi vay	06	1.742.759.445	186.500.828
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.028.139.858	3.321.246.484
Thay đổi các khoản phải thu	09	(6.280.700.672)	(10.324.860.380)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(6.725.155.018)	(21.767.912.355)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(34.940.484.287)	54.397.599.810
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	5.895.495.452	1.476.143.445
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.742.759.445)	(186.500.828)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(972.477.421)	(531.888.003)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(35.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(38.772.941.533)	26.383.828.173
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.712.091.068)	(6.235.409.022)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	5.617.696.519
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	70.000.000.000	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(105.000.000.000)	735.214.677
5. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	3.705.338.299	2.904.267.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.006.752.769)	(16.978.230.769)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	118.598.186.000	29.038.345.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(113.598.186.000)	(9.038.345.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(664.540.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.335.460.000	20.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(68.444.234.302)	29.405.597.404
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	78.110.695.149	48.705.193.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(96.254)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	9.666.460.847	78.110.695.149


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởngHuỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2015

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (tên trước đây là “Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Hóa dầu Dầu khí Vidamo.

Công ty được cổ phần hóa vào ngày 19 tháng 12 năm 2009 và trở thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103100084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Tại ngày này, Công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo được đổi tên thành Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là “Công ty”) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh vào ngày 11 tháng 4 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 123 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 132 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, các chế phẩm bôi trơn chuyên dụng; Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ bôi trơn; Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phục vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn; Tư vấn và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn công nghiệp và dân dụng; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất, hóa chất dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nhựa đường; Đại lý kinh doanh xăng dầu bán buôn, bán lẻ; Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy, Đại lý kinh doanh LPG; Cho thuê kho bãi, văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp là giá trị còn lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2014</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản khác	5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí thuê cây xăng.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 5 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.707.427.620	1.063.533.420
Tiền gửi ngân hàng	7.959.033.227	77.047.161.729
	9.666.460.847	78.110.695.149

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm	55.000.000.000	20.000.000.000

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam với giá trị tương ứng là 45.000.000.000 VND và 10.000.000.000 VND với mức lãi suất lần lượt là 6,5%/năm và 7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi hoạt động đầu tư	250.000.000	250.000.000
Phải thu phí hỗ trợ thuê văn phòng tại Hà Nội	1.721.164.000	1.721.164.000
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	-	622.515.077
Phải thu cán bộ công nhân viên	314.949.602	279.462.980
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (*)	23.674.432.600	-
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	690.625.000	-
Phải thu khác	242.441.028	178.266.351
	26.893.612.230	3.051.408.408

(*) Đây là khoản phải thu Tổng Công ty Dầu Việt Nam ("PV Oil") tương ứng với giá trị lợi thế vị trí mà Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp trả về cho Công ty. Tuy nhiên, số tiền này hiện đang được giữ lại tại tài khoản của PV Oil trong khi chờ Công ty làm các thủ tục và thực hiện nghĩa vụ với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất tại số 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh theo Công văn số 5707/BTC-TCĐN ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	8.452.909.115	-
Nguyên liệu, vật liệu	28.009.978.740	23.659.737.393
Công cụ, dụng cụ	1.510.267.838	1.361.158.454
Thành phẩm	18.392.150.978	19.152.182.064
Hàng hóa	8.666.707.107	14.133.780.849
	65.032.013.778	58.306.858.760

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	408.297.784	408.297.784
Tạm ứng cho nhân viên	482.400.651	397.340.820
Ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
	895.698.435	810.638.604

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	27.736.744.777	12.165.647.240	8.739.424.500	449.480.341	2.062.529.228	51.153.826.086
Mua trong năm	975.034.698	615.194.093	1.527.202.727	34.937.248	-	3.152.368.766
Tại ngày 31/12/2014	28.711.779.475	12.780.841.333	10.266.627.227	484.417.589	2.062.529.228	54.306.194.852
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	22.315.749.811	11.620.645.121	4.345.415.485	425.701.126	1.608.656.058	40.316.167.601
Khấu hao trong năm	986.370.718	229.184.590	990.693.061	37.182.696	-	2.243.431.065
Tại ngày 31/12/2014	23.302.120.529	11.849.829.711	5.336.108.546	462.883.822	1.608.656.058	42.559.598.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	5.409.658.946	931.011.622	4.930.518.681	21.533.767	453.873.170	11.746.596.186
Tại ngày 31/12/2013	5.420.994.966	545.002.119	4.394.009.015	23.779.215	453.873.170	10.837.658.485

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.298.679.211 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 28.197.731.255 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	3.066.978.600	135.000.000	3.201.978.600
Tại ngày 31/12/2014	3.066.978.600	135.000.000	3.201.978.600
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1.507.931.145	-	1.507.931.145
Khấu hao trong năm	102.232.620	24.750.000	126.982.620
Tại ngày 31/12/2014	1.610.163.765	24.750.000	1.634.913.765
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	1.456.814.835	110.250.000	1.567.064.835
Tại ngày 31/12/2013	1.559.047.455	135.000.000	1.694.047.455

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	21.306.989.338	22.727.455.296
Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 8 Nguyễn Thái Học, TP. Vũng Tàu	2.972.043.900	3.038.089.320
Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 1 Nguyễn Bình Khiêm, TP. Hải Phòng	1.134.428.992	1.512.571.996
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	1.285.012.676	1.670.315.076
Chi phí quảng cáo báo Tuổi trẻ, xe buýt	2.531.563.636	6.599.999.989
Chi phí khác	3.021.453.049	2.430.247.660
	32.251.491.591	37.978.679.337

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	25.000.000.000	20.000.000.000
	25.000.000.000	20.000.000.000

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dưới hình thức tín dụng thư theo Hợp đồng số 71/2014/TDHM/PVB-HCM. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 32.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 14 tháng 3 năm 2015. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,8%/năm tại thời điểm giải ngân.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	550.659.276	110.390.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	616.301.481	818.693.378
Thuế thu nhập cá nhân	58.288.846	85.905.432
Thuế bảo vệ môi trường	905.783.660	1.093.638.147
Các loại thuế khác	-	25.560.543
	2.131.033.263	2.134.187.624

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	Tại ngày 01/01/2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	110.390.124	15.000.498.000	14.560.228.848	550.659.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	818.693.378	770.085.524	972.477.421	616.301.481
Thuế thu nhập cá nhân	85.905.432	386.082.823	413.699.409	58.288.846
Thuế bảo vệ môi trường	1.093.638.147	10.787.787.851	10.975.642.338	905.783.660
Các loại thuế khác	25.560.543	4.624.878.952	4.650.439.495	-
Tổng	2.134.187.624	31.569.333.150	31.572.487.511	2.131.033.263

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí biên quảng cáo	1.670.795.021	1.009.642.000
Chi phí thuê đất kho Đông Hải	725.296.500	625.805.824
Chi phí khác	1.384.620.775	1.096.841.265
	3.780.712.296	2.732.289.089

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp	150.041.242	36.722.128
Phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	571.082.591	2.809.914.223
Phải trả cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.115.460.000	11.712.330.000
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	550.000.000	550.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	168.000.000	168.000.000
Phải trả khác cho Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh (*)	23.674.432.600	-
Phải trả khác	462.264.657	247.628.795
	26.691.281.090	15.524.595.146

(*) Phải trả khác cho Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thể hiện một phần của khoản phải trả tiền thuê lô đất với thời gian 50 năm tại 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	89.000.000.000	1.799.053.092	2.055.204.054	1.209.717.886	1.511.600.285	95.575.575.317
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.476.844.033	2.476.844.033
Trích lập các quỹ	-	-	209.790.043	69.930.014	(559.440.114)	(279.720.057)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(113.000.000)	(113.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	89.000.000.000	1.799.053.092	2.264.994.097	1.279.647.900	3.316.004.204	97.659.699.293
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.597.454.020	2.597.454.020
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.780.000.000)	(1.780.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	339.337.775	113.112.592	(904.900.733)	(452.450.366)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(214.592.202)	(214.592.202)
Số dư tại ngày 31/12/2014	89.000.000.000	1.799.053.092	2.604.331.872	1.392.760.492	3.013.965.289	97.810.110.745

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 03/NQ-PVOLUB-ĐHĐCD ngày 15 tháng 4 năm 2014, Công ty đã tiến hành phân chia lợi nhuận năm 2013 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị với số tiền lần lượt là 339.337.775 đồng; 113.112.592 đồng; 452.450.366 đồng và 214.592.202 đồng;

- Chia cổ tức năm 2013 trên 2% vốn lưu động với số tiền là 1.780.000.000 đồng.

Vốn cổ phần

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	8.900.000	89.000.000.000	8.900.000	89.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	8.900.000	89.000.000.000	8.900.000	89.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ tức phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ tức phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ tức phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết về cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	55.773.000.000	62,67	55.773.000.000	62,67
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn Hà Nội	8.000.000.000	8,99	8.000.000.000	8,99
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5.000.000.000	5,62	5.000.000.000	5,62
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	3.000.000.000	3,37	3.000.000.000	3,37
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	1.925.000.000	2,22	1.925.000.000	2,22
Ông Trương Anh Hùng	2.000.000.000	2,25	2.000.000.000	2,25
Cổ đông khác	13.302.000.000	14,80	13.302.000.000	14,80
	89.000.000.000	100	89.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dầu mỡ nhờn và kinh doanh xăng dầu; hoạt động khác là cho thuê văn phòng. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	2014 VND	2013 VND
Miền Nam	297.632.774.633	219.494.649.216
Văn phòng Hồ Chí Minh	297.632.774.633	219.494.649.216
Miền Trung	144.944.596.126	130.861.029.901
Chi nhánh Đà Nẵng	144.944.596.126	130.861.029.901
Miền Bắc	65.855.179.343	140.431.537.027
Chi nhánh Hà Nội	43.278.865.691	115.981.729.895
Chi nhánh Tuyên Quang	-	5.558.858.480
Chi nhánh Hải Phòng	22.576.313.652	18.890.948.652
	508.432.550.102	490.787.216.144

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	529.193.011.757	512.421.458.143
Thành phẩm dầu mỡ nhờn	181.783.266.956	163.247.498.965
Hàng hóa dầu mỡ nhờn	22.575.575.290	26.032.680.370
Hàng hóa xăng dầu	321.126.448.095	317.175.109.394
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	3.707.721.416	5.966.169.414
Các khoản giảm trừ doanh thu	20.760.461.655	21.634.241.999
Thuế bảo vệ môi trường	10.784.298.851	7.340.617.633
Chiết khấu thương mại	9.976.162.804	14.029.770.989
Giảm giá hàng bán	-	263.853.377
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	508.432.550.102	490.787.216.144

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm dầu mỡ nhờn	134.469.922.273	112.804.840.581
Hàng hóa dầu mỡ nhờn	14.878.775.998	24.709.320.792
Hàng hóa xăng dầu	298.489.192.738	297.944.948.231
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	3.149.094.625	4.915.714.478
	450.986.985.634	440.374.824.082

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	295.085.944.446	237.109.175.080
Chi phí nhân công	21.834.651.733	21.703.849.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.370.413.685	1.848.488.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.503.549.027	23.801.101.811
Chi phí khác bằng tiền	9.552.259.747	6.157.349.310
	353.346.818.638	290.619.963.974

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.705.338.299	2.654.267.057
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.002.690	13.075.413
	3.725.340.989	2.667.342.470

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay và lãi chậm nộp cổ phần hóa	1.742.759.445	186.500.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	391.470.840	14.369.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	116.334.474
	2.134.230.285	317.204.790

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.334.821.821	3.325.341.061
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	16.850.002	68.647.051
Thu nhập chịu thuế	3.351.671.823	3.393.988.112
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	737.367.801	848.497.028

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận trong năm (VND)	2.597.454.020	2.476.844.033
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.597.454.020	2.476.844.033
Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu)	8.900.000	8.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	292	278

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị vào cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	9.666.460.847	78.110.695.149
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.447.227.719	43.002.880.828
Đầu tư tài chính	55.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	61.000.000	26.000.000
Tổng	112.174.688.566	141.139.575.977
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	25.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	94.921.503.104	125.051.014.271
Chi phí phải trả	3.780.712.296	2.732.289.089
Tổng	123.702.215.400	147.783.303.360

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ ("USD")	<u>43.237.880</u>	<u>770.402.403</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ "tăng/giảm" một khoản tương ứng là 864.758 đồng (năm 2013 là 15.408.048 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay vì khoản vay của Công ty được ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ("Agribank") và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("PvcomBank") với mức lãi suất cố định. Ngoài ra, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền	9.666.460.847	-	9.666.460.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.447.227.719	-	47.447.227.719
Đầu tư tài chính	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.000.000	56.000.000	61.000.000
Tổng	112.118.688.566	56.000.000	112.174.688.566
31/12/2014			
Các khoản vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	94.921.503.104	-	94.921.503.104
Chi phí phải trả	3.780.712.296	-	3.780.712.296
Tổng	123.702.215.400	-	123.702.215.400
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.583.526.834)	56.000.000	(11.527.526.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền	78.110.695.149	-	78.110.695.149
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.002.880.828	-	43.002.880.828
Đầu tư tài chính	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.000.000	21.000.000	26.000.000
Tổng	141.118.575.977	21.000.000	141.139.575.977
31/12/2013			
Các khoản vay	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	125.051.014.271	-	125.051.014.271
Chi phí phải trả	2.732.289.089	-	2.732.289.089
Tổng	147.783.303.360	-	147.783.303.360
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.664.727.383)	21.000.000	(6.643.727.383)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình vì hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan (Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty mẹ) như trình bày tại Thuyết minh số 27. Do đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
Công ty CP Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương
Công ty CP Dầu khí Mê Kông
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí An Giang
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty mẹ của PV Oil
Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Trụ sở chính	111.440.372.657	55.539.327.263
Các công ty trong cùng tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>5.159.664.569</u>	<u>17.967.906.140</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Trụ sở chính	290.997.496.507	226.770.265.770
Các công ty trong cùng tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>1.255.948.205</u>	<u>65.036.088.808</u>
Khác		
Lãi chậm nộp phải trả cho PV Oil	886.556.594	-
Chia cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>1.115.460.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	<u>2.340.000.000</u>	<u>1.705.470.198</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	25.507.914	13.084.259.624
Các công ty trong cùng tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>1.158.508.402</u>	<u>3.790.766.681</u>
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>23.674.432.600</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	57.811.275.356	104.419.015.893
Các công ty trong cùng tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>168.135.172</u>	<u>2.974.145</u>
Các khoản phải trả khác		
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.115.460.000	11.712.330.000
Phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>571.082.591</u>	<u>2.809.914.223</u>


 Nguyễn Thị Hương
 Người lập biểu


 Phan Tuấn Anh
 Kế toán trưởng


 Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015